

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 2856/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, UBND cấp huyện, UBND cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 22/01/2020; Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 20/3/2020; Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 4364/TTr-SYT ngày 03/8/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai (*Danh mục và quy trình đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp Sở Y tế cập nhật quy trình (lưu đồ) giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố lên Phần mềm một cửa điện tử của tỉnh (Egov).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn, Trung tâm hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, HCC, CTTĐT.

CHỦ TỊCH



Cao Tiến Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI



**QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ THỰC HIỆN THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ,
UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TỈNH ĐỒNG NAI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 12/8/2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

**PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

| STT | Tên thủ tục hành chính | Quy trình | |
|----------|---|-----------|---------|
| | | Nội bộ | Điện tử |
| A | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH | | |
| I | Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh | | |
| 1 | Thủ tục cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | X |
| 2 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với trạm xá, trạm y tế xã | | X |
| 3 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | X |
| 4 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | X |
| 5 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | X |
| 6 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ y tế thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | X |
| 7 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh nhân đạo đối với bệnh viện trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (trừ các bệnh viện thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập | | X |
| 8 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | X |
| 9 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm | | X |

| | | | |
|----|---|--|---|
| | quyền của Sở Y tế | | |
| 10 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | X |
| 11 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | X |
| 12 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | X |
| 13 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | X |
| 14 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp | | X |
| 15 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả | | X |
| 16 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà | | X |
| 17 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc | | X |
| 18 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh | | X |
| 19 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với trạm xá, trạm Y tế cấp xã | | X |
| 20 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm | | X |
| 21 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám chữa bệnh | | X |
| 22 | Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền | | X |

| | | | |
|----|--|--|---|
| 23 | Thủ tục điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn | | X |
| 24 | Thủ tục phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế | | X |
| 25 | Thủ tục phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế | | X |
| 26 | Thủ tục công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | X |
| 27 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT | | X |
| 28 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT | | X |
| 29 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT | | X |
| 30 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT | | X |
| 31 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận là lương y thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | X |
| 32 | Thủ tục cho phép cá nhân trong nước, nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế | | X |
| 33 | Thủ tục cho phép đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế | | X |
| 34 | Thủ tục cho phép đoàn khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế | | X |
| 35 | Thủ tục cho phép đội khám bệnh, chữa bệnh chු thập đỏ | | X |

| | | | |
|----|--|---|---|
| | lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế | | |
| 36 | Thủ tục cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | X |
| 37 | Thủ tục cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | X |
| 38 | Thủ tục cho phép thành lập ngân hàng mô trực thuộc Sở Y tế và thuộc bệnh viện trực thuộc Sở Y tế, ngân hàng mô tư nhân, ngân hàng mô trực thuộc bệnh viện tư nhân, trường đại học Y, Dược tư thực trên địa bàn quản lý | | X |
| 39 | Thủ tục cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | X |
| 40 | Thủ tục cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng | | X |
| 41 | Thủ tục cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo | | X |
| 42 | Thủ tục công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe lái xe thuộc thẩm quyền Sở Y tế | | X |
| 43 | Thủ tục cấp giấy khám sức khỏe cho người lái xe | X | |
| 44 | Thủ tục khám sức khỏe định kỳ của người lái xe ô tô | X | |
| 45 | Thủ tục cấp giấy khám sức khỏe cho người từ đủ 18 tuổi trở lên | X | |
| 46 | Thủ tục cấp giấy khám sức khỏe cho người chưa đủ 18 tuổi | X | |
| 47 | Thủ tục cấp giấy khám sức khỏe cho người cho người mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự | X | |
| 48 | Thủ tục khám sức khỏe định kỳ | X | |
| 49 | Thủ tục cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | X |

| | | |
|----|--|---|
| 50 | Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị mất hoặc hư hỏng chứng chỉ hành nghề hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | X |
| 51 | Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | X |
| 52 | Thủ tục cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | X |
| 53 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập | X |
| 54 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | X |
| 55 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | X |
| 56 | Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền | X |
| 57 | Thủ tục điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | X |
| 58 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ | X |
| 59 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ | X |
| 60 | Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm | X |
| 61 | Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng | X |

| | | | |
|------------|--|---|---|
| 62 | Thủ tục cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | X |
| 63 | Thủ tục cho phép áp dụng thí điểm kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh đối với kỹ thuật mới, phương pháp mới quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 07/2015/TT-BYT thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế | | X |
| 64 | Thủ tục cho phép áp dụng chính thức kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế | | X |
| 65 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận sức khỏe đối với thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam đủ tiêu chuẩn quy định tại Phụ lục I | X | |
| 66 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận sức khỏe đối với thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định tại Phụ lục I nhưng mắc một hoặc một số bệnh, tật quy định tại Phụ lục II | X | |
| 67 | Thủ tục khám sức khỏe định kỳ đối với thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam | X | |
| 68 | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | X |
| 69 | Cấp giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | X |
| 70 | Cấp lại giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | X |
| II | Lĩnh vực Đào tạo | | |
| 71 | Thủ tục công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố | | X |
| III | Lĩnh vực Dược phẩm | | |
| 72 | Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp chứng chỉ hành nghề dược nhưng chứng | | X |

| | | | |
|----|---|--|---|
| | chỉ hành nghề được bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ | | |
| 73 | Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp chứng chỉ hành nghề được bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề được | | X |
| 74 | Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc mất) | | X |
| 75 | Thủ tục điều chỉnh nội dung chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ | | X |
| 76 | Thủ tục cấp lần đầu và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được đổi với trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) | | X |
| 77 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh được mà có thay đổi điều kiện kinh doanh; thay đổi địa điểm kinh doanh được thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) | | X |
| 78 | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) | | X |
| 79 | Thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) | | X |
| 80 | Thủ tục thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động | | X |
| 81 | Thủ tục cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng | | X |

| | | | |
|----|--|--|---|
| | thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Áp dụng với cơ sở có sử dụng, kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc trừ cơ sở sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu) | | |
| 82 | Thủ tục cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | X |
| 83 | Thủ tục cho phép bán lẻ thuốc thuộc danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược | | X |
| 84 | Thủ tục cho phép bán lẻ thuốc thuộc danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược | | X |
| 85 | Thủ tục cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt | | X |
| 86 | Thủ tục cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh | | X |
| 87 | Thủ tục cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc | | X |
| 88 | Thủ tục kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước | | X |
| 89 | Thủ tục đăng ký thuốc gia công của thuốc đã có số đăng ký lưu hành tại Việt Nam (thuốc thuộc danh mục thuốc sản xuất trong nước nộp hồ sơ đăng ký tại Sở Y tế địa phương quy định tại phụ lục V Thông tư 44/2014/TT-BYT) | | X |
| 90 | Thủ tục đăng ký thuốc gia công của thuốc chưa có số đăng ký lưu hành tại Việt Nam (thuốc thuộc danh mục thuốc sản xuất trong nước nộp hồ sơ đăng ký tại Sở Y tế địa phương quy định tại phụ lục V Thông tư 44/2014/TT-BYT) | | X |

| | | | |
|-----|---|--|---|
| 91 | Thủ tục đăng ký lại thuốc gia công (thuốc thuộc danh mục thuốc sản xuất trong nước nộp hồ sơ đăng ký tại Sở Y tế địa phương quy định tại phụ lục V Thông tư 44/2014/TT-BYT) | | X |
| 92 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn dược liệu | | X |
| 93 | Thủ tục bổ sung phạm vi kinh doanh trong giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn dược liệu | | X |
| 94 | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn dược liệu | | X |
| 95 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán lẻ dược liệu | | X |
| 96 | Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc cho cơ sở bán lẻ dược liệu | | X |
| 97 | Thủ tục bổ sung phạm vi kinh doanh trong giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán lẻ dược liệu | | X |
| 98 | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán lẻ dược liệu | | X |
| 99 | Thủ tục thẩm định kế hoạch đấu thầu vật tư y tế tiêu hao và hóa chất | | X |
| 100 | Thủ tục cấp thẻ cho người giới thiệu thuốc có trình độ chuyên môn đại học | | X |
| 101 | Thủ tục cấp thẻ cho người giới thiệu thuốc có trình độ chuyên môn trung cấp | | X |
| 102 | Thủ tục trả lại chứng chỉ hành nghề được cho cá nhân đăng ký hành nghề được trường hợp cá nhân đơn phương đề nghị | | X |
| 103 | Thủ tục trả lại chứng chỉ hành nghề được cho cá nhân đăng ký hành nghề được trường hợp cơ sở kinh doanh đề nghị | | X |
| 104 | Thủ tục công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc | | X |
| 105 | Thủ tục đánh giá đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc | | X |

| | | | |
|-----|---|--|---|
| 106 | Thủ tục đánh giá đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất, thuốc phóng xạ | | X |
| 107 | Thủ tục đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở bán lẻ thuốc có kinh doanh thuốc dạng phổi hợp có chứa được chất gây nghiện, thuốc dạng phổi hợp có chứa được chất hướng thần, thuốc dạng phổi hợp có chứa tiền chất thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực | | X |
| 108 | Thủ tục đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc | | X |
| 109 | Thủ tục đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt bán lẻ thuốc đối với cơ sở có kinh doanh thuốc chất gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất | | X |
| 110 | Thủ tục đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở có kinh doanh thuốc dạng phổi hợp có chứa được chất gây nghiện, thuốc dạng phổi hợp có chứa được chất hướng thần, thuốc dạng phổi hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực | | X |
| 111 | Thủ tục kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm c và d Khoản 1 Điều 11 Thông tư 02/2018/TT-BYT | | X |
| 112 | Thủ tục đánh giá đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc | | X |
| 113 | Thủ tục đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc có kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất | | X |
| 114 | Thủ tục đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở bán buôn thuốc có kinh doanh thuốc dạng phổi hợp có chứa được chất gây nghiện, thuốc dạng phổi hợp có chứa được chất hướng thần, thuốc dạng phổi hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực | | X |
| 115 | Thủ tục đánh giá đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với cơ sở kinh doanh không vì | | X |

| | | | |
|-----------|--|--|---|
| | mục đích thương mại | | |
| 116 | Thủ tục đánh giá đáp ứng thực hành tốt cơ sở phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất không vì mục đích thương mại | | X |
| 117 | Thủ tục đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở phân phối thuốc dạng phôi hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phôi hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phôi hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực, không vì mục đích thương mại | | X |
| 118 | Thủ tục đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc | | X |
| 119 | Thủ tục đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc có kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất | | X |
| 120 | Thủ tục đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở có kinh doanh thuốc dạng phôi hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phôi hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phôi hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực | | X |
| 121 | Thủ tục kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 03/2018/TT-BYT | | X |
| 122 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | X |
| IV | Lĩnh vực Mỹ phẩm | | |
| 123 | Thủ tục cấp số tiếp nhận phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước | | X |
| 124 | Thủ tục cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm | | X |
| 125 | Thủ tục cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân | | X |

| | | | |
|-----------|--|--|---|
| | chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo | | |
| 126 | Thủ tục cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng | | X |
| 127 | Thủ tục cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT | | X |
| 128 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm | | X |
| 129 | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm | | X |
| 130 | Thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm | | X |
| V | Lĩnh vực Trang thiết bị và công trình y tế | | |
| 131 | Thủ tục công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế | | X |
| 132 | Thủ tục công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A | | X |
| 133 | Thủ tục công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D | | X |
| 134 | Thủ tục điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế | | X |
| 135 | Thủ tục điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B, C, D | | X |
| VI | Lĩnh vực Y tế dự phòng | | |
| 136 | Thủ tục thông báo hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS | | X |
| 137 | Thủ tục duyệt dự trù và phân phối thuốc methadone thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế | | X |
| 138 | Thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ | | X |
| 139 | Thủ tục công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II | | X |
| 140 | Thủ tục công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng | | X |

| | | | |
|-----|---|---|---|
| 141 | Thủ tục xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng | | X |
| 142 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp | X | |
| 143 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp | X | |
| 144 | Thủ tục cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng | X | |
| 145 | Thủ tục cấp lại thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng | X | |
| 146 | Thủ tục công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế | | X |
| 147 | Thủ tục công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm | | X |
| 148 | Thủ tục đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện đang cư trú tại cộng đồng | X | |
| 149 | Thủ tục đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện trong các cơ sở trại giam, trại tạm giam, cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng | X | |
| 150 | Thủ tục chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện ngoài cộng đồng | X | |
| 151 | Thủ tục chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện giữa các cơ sở quản lý | X | |
| 152 | Thủ tục chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho người nghiện chất dạng thuốc phiện được trả về cộng đồng từ cơ sở quản lý | X | |
| 153 | Thủ tục công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện | | X |
| 154 | Thủ tục công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự | | X |
| 155 | Thủ tục công bố lại đối với cơ sở công bố đủ điều kiện | | X |

| | | | |
|-------------|--|---|---|
| | điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất | | |
| 156 | Thủ tục công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị tạm đình chỉ | | X |
| 157 | Thủ tục công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | X |
| 158 | Thủ tục cấp phát thuốc methadone cho người bệnh đặc biệt điều trị tại nhà | X | |
| 159 | Thủ tục cấp phát thuốc methadone cho người bệnh điều trị đặc biệt tại cơ sở khám, chữa bệnh | X | |
| 160 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng | X | |
| 161 | Thủ tục kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải | X | |
| 162 | Thủ tục kiểm dịch y tế đối với hàng hóa | X | |
| 163 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt | X | |
| 164 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người | X | |
| 165 | Thủ tục cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | X |
| 166 | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | X |
| 167 | Thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | X |
| VII | Lĩnh vực Tổ chức cán bộ | | |
| 168 | Thủ tục đề nghị bổ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | X |
| 169 | Thủ tục đề nghị miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | X |
| VIII | Lĩnh vực Giám định Y khoa | | |
| 170 | Thủ tục khám giám định y khoa lần đầu đối với người | X | |

| | | | |
|-----|--|---|--|
| | hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hoá học quy định tại Điều 38 Nghị định 31/2013/NĐ-CP ngày 9/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng | | |
| 171 | Thủ tục khám giám định y khoa lần đầu đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 9/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng | X | |
| 172 | Thủ tục khám giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động | X | |
| 173 | Thủ tục khám giám định lần đầu do bệnh nghề nghiệp | X | |
| 174 | Thủ tục khám giám định để thực hiện chế độ hưu trí đối với người lao động | X | |
| 175 | Thủ tục khám giám định để thực hiện chế độ tử tuất | X | |
| 176 | Thủ tục khám giám định để xác định lao động nữ không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau sinh hoặc sau khi nhận con do nhờ người mang thai hộ hoặc phải nghỉ dưỡng thai | X | |
| 177 | Thủ tục khám giám định để hưởng bảo hiểm xã hội một lần | X | |
| 178 | Thủ tục khám giám định lại đối với trường hợp tái phát tổn thương do tai nạn lao động | X | |
| 179 | Thủ tục khám giám định lại bệnh nghề nghiệp tái phát | X | |
| 180 | Thủ tục khám giám định tổng hợp | X | |
| 181 | Thủ tục khám giám định thương tật lần đầu do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố hoặc Trung tâm giám định y khoa thuộc Bộ Giao thông vận tải thực hiện | X | |
| 182 | Thủ tục khám giám định đối với trường hợp đã được xác định tỷ lệ tạm thời do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện | X | |
| 183 | Thủ tục khám giám định đối với trường hợp bổ sung vết thương do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện | X | |

| | | | |
|-----------|--|---|---|
| 184 | Thủ tục khám giám định đối với trường hợp vết thương còn sót do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện | X | |
| 185 | Thủ tục khám giám định đối với trường hợp vết thương tái phát do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện | X | |
| 186 | Thủ tục khám giám định đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác | X | |
| 187 | Thủ tục khám giám định đối với trường hợp người khuyết tật có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác | X | |
| 188 | Thủ tục khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật | X | |
| 189 | Thủ tục khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật | X | |
| 190 | Thủ tục khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không đưa ra được kết luận về mức độ khuyết tật | X | |
| IX | Lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng | | |
| 191 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | X |
| 192 | Thủ tục đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi | | X |
| 193 | Thủ tục đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi | | X |

| | | | |
|-----|---|---|---|
| 194 | Thủ tục đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi | | X |
| X | Lĩnh vực Dân số và Kế hoạch hóa gia đình | | |
| 195 | Thủ tục cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị nhầm lẫn khi ghi chép giấy chứng sinh | X | |
| 196 | Thủ tục cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị mất hoặc hư hỏng | X | |
| B | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN | | |
| I | Lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng | | |
| 1 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống do Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có quy mô kinh doanh từ 50 đến 200 suất ăn/lần phục vụ | X | |
| II | Lĩnh vực Dân số và Kế hoạch hóa gia đình | | |
| 2 | Thủ tục cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị nhầm lẫn khi ghi chép giấy chứng sinh | X | |
| 3 | Thủ tục cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị mất hoặc hư hỏng | X | |
| C | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ | | |
| I | Lĩnh vực Dân số và Kế hoạch hóa gia đình | | |
| 1 | Cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ đẻ. | X | |
| 2 | Thủ tục xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số | X | |